

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *M712* /UBND-CNN

Đồng Nai, ngày 7 tháng 12 năm 2014

V/v xây dựng quy hoạch mạng lưới
tổ chức khoa học và công nghệ công
lập của tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện nội dung Văn bản số 3479/BKHCN-TCCB ngày 25/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Sau khi rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Đồng Nai đã hoàn chỉnh báo cáo về việc xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh Đồng Nai.

UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp.

(Đính kèm: Báo cáo xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh Đồng Nai)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CNN.

Thaoenn.xdmangluoiQHtochucKHCConglap-BKHCN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI



BÁO CÁO
XÂY DỰNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI 12/2014

Phần I

Đánh giá hiện trạng mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập tại tỉnh Đồng Nai

1. Hiện trạng mạng lưới tổ chức KH&CN năm 2013

Bảng 1: Thông tin chung mạng lưới tổ chức KH&CN

Stt	Tên tổ chức	Cơ quan chủ quản	Cơ quan ra QĐ thành lập	Lĩnh vực nghiên cứu (XH, TN, NV, KT-CN, NN, YD)	Lĩnh vực hoạt động (TĐC, Sở hữu trí tuệ, Thông tin và thống kê KH&CN)	Phân loại theo chức năng của tổ chức (NCCB, NCUD, DV KH&CN)	Địa chỉ trụ sở chính
1	Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học – Công nghệ Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	KT-CN	Thông tin và thống kê KH&CN	NC UD DV KH&CN	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
2	Trung tâm Khuyến công Đồng Nai	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	KT-CN		NC UD	165A, CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa
3	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính – Nhà đất Đồng Nai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	NN		NC UD DV KH&CN	Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa
4	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	NN		NC UD DV KH&CN	Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa
5	Chi nhánh Viện Nghiên cứu Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Đồng Nai	Viện Nghiên cứu Phát triển DN vừa và nhỏ tại tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	KH-CN		NC UD DV KH&CN	Số 9A, Đồng Khởi, Khu Phố 3, Phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa

6	Trung tâm Phát triển phần mềm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	KH-CN		NC UD DV KH&CN	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
7	Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	KH-CN	TĐC	NC UD DV KH&CN	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
8	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	NN KH-CN		NC UD DV KH&CN	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
9	Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Sông Phố	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	XH-NV		NC UD	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
10	Trung tâm Tư vấn, phân biện và giám định xã hội.	Viện Thực phẩm và dinh dưỡng gia đình	Sở Khoa học và Công nghệ	XH		NC UD	1597, Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
11	Phân Viện Thực phẩm và Dinh dưỡng gia đình Đồng Nai	Viện Thực phẩm và dinh dưỡng gia đình	Sở Khoa học và Công nghệ	XH		NC UDDV KH&CN	8/29A, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
12	Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Sở Khoa học và Công nghệ	NN		NC UD DV KH&CN	Khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom
13	Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ về Phòng cháy Chữa cháy và đào tạo lái xe	Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	KT-CN		NC UD DV KH&CN	Số 1032, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa

14	Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ	Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	KT-CN		NCCB NC UD DV KH&CN	Đường Bùi Trọng Nghĩa, KP5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa
----	--	------------------------------	--------------------------	-------	--	---------------------	--

Bảng 2: Nhân lực

Stt	Tên tổ chức	Tổng số nhân lực KH&CN					Tổng số
		Tiến sỹ khoa học	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học, cao đẳng	Khác	
1	Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học – Công nghệ Đồng Nai			3	35	2	40
2	Trung tâm Khuyến công Đồng Nai			1	14	4	19
3	Trung tâm Kỹ thuật địa chính – nhà đất Đồng Nai			4	70	84	158
4	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường			6	59	22	87
5	Chi nhánh Viện Nghiên cứu Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Đồng Nai		2	1	4	0	7
	Kiểm nhiệm		7	6			13
6	Trung tâm Phát triển phần mềm			3	48	4	55
7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ			11	29	15	55
8	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học			8	20	6	34
9	Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Sông Phố				9	1	10
	Kiểm nhiệm			1	5	1	7
10	Trung tâm Tư vấn, phân biện và giám định xã hội.		1	1	6		8
11	Phân Viện Thực phẩm và Dinh dưỡng gia đình Đồng Nai		1	1	4	6	12
12	Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ			9	4	11	24

13	Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ về Phòng cháy Chữa cháy và đào tạo lái xe				5	2	7
14	Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ	1	3	1			5
	Tổng số	1	14	56	312	158	541

Bảng 3: Tài chính và tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên tổ chức	Tổng giá trị tài sản cố định	Tổng diện tích đất được giao quản lý sử dụng	Tổng diện tích sử dụng gồm: văn phòng, nhà xưởng, phòng thí nghiệm	Tổng nguồn thu của tổ chức					
					Nguồn thu từ NSNN				Các nguồn thu ngoài NSNN	
					Kinh phí hoạt động thường xuyên	Nhiệm vụ KH&CN	Đầu tư, phát triển	Khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học – Công nghệ Đồng Nai	1915,688			1.787	1.128				
2	Trung tâm Khuyến công Đồng Nai	399,766			1.159					
3	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính – Nhà đất Đồng Nai	10067,068								
4	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường	119.665			21.377					
5	Chi nhánh Viện Nghiên cứu Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Đồng Nai	800			996	992				

6	Trung tâm Phát triển phần mềm	2.342				8.446			
7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ	1.000			1.489	9.191			
8	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học	712			2.798				
9	Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Sông Phố	400			940	980			
10	Trung tâm Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.	200			200				
11	Phân Viện Thực phẩm và Dinh dưỡng gia đình Đồng Nai	1.435							
12	Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ	9.412			2.291	3.264			
13	Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ về Phòng cháy Chữa cháy và đào tạo lái xe	1.500		1 nhà xưởng sửa chữa, bảo trì, kiểm tra phương tiện PCCC	629	3.189			
14	Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ	1.500			200				1.400
	Tổng kinh phí	138.966			33.866	27.190			1.400

Bảng 4: Kết quả hoạt động năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên tổ chức	Kết quả hoạt động									
		Nhiệm vụ KH&CN có nguồn gốc từ NSNN		Số bài báo đăng tạp chí chuyên ngành		Số sách xuất bản	Số sáng chế, giải pháp hữu ích	Số HD chuyên giao và HD dịch vụ		Kết quả đào tạo sau đại học của đơn vị (số người)	
		Số lượng	Kinh phí	Trong nước	Ngoài nước			Số lượng	Tổng giá trị HD	Tiến sỹ	Thạc sỹ
1	Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học – Công nghệ Đồng Nai	1	601					1	607		
2	Trung tâm Khuyến công Đồng Nai							7	700		
3	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính – Nhà đất Đồng Nai										
4	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường							300			
5	Chi nhánh Viện Nghiên cứu Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Đồng Nai	1						1	200		
6	Trung tâm Phát triển phần mềm	2						45	4.248		
7	Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ	4	4.000					6	384		
8	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học	10	44.262					6	840		
9	Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Sông Phố	4	947					2	300		
10	Trung tâm Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.	2	218								

11	Phân Viện Thực phẩm và Dinh dưỡng gia đình Đồng Nai										
12	Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ	7	1.712					6	239		
13	Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ về Phòng cháy Chữa cháy và đào tạo lái xe										
14	Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ										
	Tổng kinh phí	31	51.740					374	7.518		

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng mạng lưới tổ chức KH&CN

a) Phân tích đánh giá tổng quan mạng lưới

- Về quy mô, cơ cấu và phân bố

Theo chức năng của tổ chức: 14 tổ chức, trong đó 11 tổ chức hoạt động lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ KH&CN và 03 tổ chức NCUD.

Các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ tập trung chủ yếu ở địa bàn thành phố Biên hòa 13 tổ chức; chỉ có 01 tổ chức ở địa bàn huyện Trảng Bom.

- Về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực

Tính đến ngày 30/12/2013, số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 14 tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu (XH, TN, NV, KT-CN, NN, YD), trong đó có 01 tổ chức kiêm lĩnh vực TDC và 01 kiêm lĩnh vực thông tin và thống kê KH&CN.

Về nguồn nhân lực hoạt động trong các tổ chức gồm: 541 người, trong đó có 01 tiến sĩ khoa học; 14 tiến sĩ; 56 thạc sĩ; 312 đại học, cao đẳng và 158 lao động khác.

- Về tài chính và tài sản: Tổng giá trị tài sản cố định của 14 tổ chức là 138,966 tỷ đồng, kinh phí hoạt động thường xuyên 33,866 tỷ đồng. Tổng nguồn thu của tổ chức từ NSNN (Nhiệm vụ KH&CN) là 27,190 tỷ đồng; từ nguồn thu từ nguồn ngoài nân sách nhà nước là 1,4 tỷ đồng.

- Về kết quả hoạt động KH&CN

Hoạt động của các tổ chức khoa học công nghệ từ nhiệm vụ KH&CN có nguồn gốc từ NSNN gồm 31 nhiệm vụ KH&CN với 51,74 tỷ đồng.

Số hợp đồng chuyển giao công nghệ và hợp đồng dịch vụ KH&CN 374 hợp đồng trị giá 7,518 tỷ đồng.

b) Phân tích tác động của chính sách KH&CN đối với mạng lưới

3. Nhận xét và đánh giá chung

Cho đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã hình thành một mạng lưới KH&CN đa dạng gồm hơn 25 tổ chức (đã thu hồi Giấy chứng nhận 8 tổ chức, còn 17 tổ chức hoạt động KH&CN đang hoạt động, trong đó 14 tổ chức hoạt động KH&CN công lập; 03 tổ chức tư nhân). Các tổ chức KH&CN công lập này khẳng định nhu cầu thị trường đối với hoạt động nghiên cứu triển khai và dịch vụ KH&CN (chuyển giao công nghệ, tư vấn,...) và góp phần trong việc thực hiện xã hội hóa hoạt động KH&CN.

a) Điểm mạnh

- Ban hành các văn bản pháp lý tạo cơ sở và chỗ dựa vững chắc cho hoạt động KH&CN phát triển; Có sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy, chính quyền và tổ chức KH&CN về vai trò động lực của khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ của các thành tựu KH&CN; cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng các thành tựu KH&CN.

- Chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ việc chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển tập trung cho các hoạt động và bảo đảm các yêu cầu sau: (1) Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến liên quan tới phát triển bền vững cho địa phương. (2) Hợp tác chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ nhằm giải quyết các nhiệm vụ của địa phương.

- Tổ chức hoạt động KH&CN công lập đã có những bước tiến nổi bật trong việc góp phần xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng phát triển, có những đóng góp bước đầu có hiệu quả.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Tổ chức hoạt động KH&CN: Toàn tỉnh hiện nay có 03 trường đại học, 02 trường cao đẳng; 14 viện nghiên cứu và tổ chức hoạt động KH&CN. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến thực trạng hoạt động của các tổ chức KH&CN hiện có trên địa bàn các tỉnh cần phải giải quyết các vấn đề đó là: Cơ chế quản lý chưa đồng bộ, cơ chế tài chính chưa hấp dẫn sự tham gia của các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước; trình độ và năng lực của nhân lực trong hoạt động KH&CN còn thiếu, chưa đáp ứng được các lĩnh vực chuyên sâu; năng lực tài chính của các tổ chức KH&CN yếu kém, chủ yếu vẫn trông chờ vào sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; sự liên kết giữa các tổ chức còn yếu. Đặc biệt là các tổ chức KH&CN này đều hoạt động riêng lẻ, chủ yếu theo yêu cầu của ngành chủ quản.

Phần hai

Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đến năm 2020 và tầm nhìn 2030

1. Quy hoạch tổng thể mạng lưới tổ chức KH&CN công lập nói chung

a) Tổ chức NC&PT

- Đến thời điểm 2020 là: 12 tổ chức, cụ thể:

Stt	Tên tổ chức	Cấp ra quyết định thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Cơ quan chủ quản
1	Trung tâm Khuyến nông Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Chi cục Thú y	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Sở Công Thương
4	Trung tâm Tư vấn công nghiệp	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Công Thương
5	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Thông tin và truyền thông
6	Trung tâm Lưu trữ	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Sở Nội vụ
7	Trung tâm Công báo	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Văn phòng UBND tỉnh
8	Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Trung tâm Tư vấn pháp lý	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội	Sở Tư pháp
10	Chi cục Bảo vệ thực vật	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Trung tâm Công nghệ thông tin	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh
12	Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KH&CN	Đại học Lạc Hồng	Khoa học kỹ thuật và công nghệ và dịch vụ KH&CN	Đại học Lạc Hồng

- Đến thời điểm 2030 là: 12 tổ chức, cụ thể:

Stt	Tên tổ chức	Cấp ra quyết định thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Cơ quan chủ quản
1	Trung tâm Dịch vụ đối ngoại	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Sở Ngoại vụ
2	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Giao thông Vận tải
3	Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
4	Trung tâm Kiểm định Dịch vụ y tế quốc tế	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
5	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
6	Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
7	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và hợp tác	Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu	Khoa học nông nghiệp	Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu
8	Phòng Kỹ thuật lâm sinh và đất đai	Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu	Khoa học nông nghiệp	Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu
9	Trung tâm ngoại ngữ và tin học	Đại học Lạc Hồng	Khoa học xã hội nhân văn	Đại học Lạc Hồng
10	Trung tâm tin học và ngoại ngữ	Đại học Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn, Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Đại học Đồng Nai

- Căn cứ xác định số lượng tổ chức NC&PT công lập: 10

b) Tổ chức dịch vụ KH&CN

- Đến thời điểm 2020 là: 07 tổ chức, cụ thể:

Stt	Tên tổ chức	Cấp ra quyết định thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Cơ quan chủ quản
1	Trung tâm Khuyến nông	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Chi cục Thú y	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Trung tâm Xúc tiến thương mại	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Sở Công Thương

4	Trung tâm Tư vấn công nghiệp	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Công Thương
5	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Thông tin và truyền thông
6	Chi cục Bảo vệ thực vật	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Trung tâm Công nghệ thông tin	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh

- Đến thời điểm 2030 là: 10 tổ chức, cụ thể:

Stt	Tên tổ chức	Cấp ra quyết định thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Cơ quan chủ quản
1	Trung tâm Dịch vụ đối ngoại	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn	Sở ngoại vụ
2	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Sở Giao thông Vận tải
3	Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
4	Trung tâm Kiểm định dịch vụ y tế quốc tế	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
5	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
6	Trung tâm Giám định pháp y	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học y dược	Sở Y tế
7	Trung tâm Tư vấn pháp lý	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội	Sở Tư pháp
8	Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND tỉnh Đồng Nai	Khoa học xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Đại học Lạc Hồng	Khoa học xã hội nhân văn, Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Đại học Lạc Hồng
10	Trung tâm thông tin và thống kê KH&CN	Đại học Đồng Nai	Khoa học xã hội nhân văn, Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Đại học Đồng Nai

- Căn cứ xác định số lượng tổ chức dịch vụ KH&CN công lập: 10

2. Quy hoạch số lượng tổ chức KH&CN công lập phân bổ theo lĩnh vực hoạt động

a) Tổ chức NC&PT

- Số lượng tổ chức đến thời điểm 2020, chia theo lĩnh vực:

+ Lĩnh vực Khoa học tự nhiên có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ có: 4 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học Y dược có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp có: 3 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học xã hội có: 1 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học nhân văn có: 3 tổ chức

- Dự báo quy hoạch đến thời điểm 2030

+ Lĩnh vực Khoa học tự nhiên có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ có: 1 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học Y dược có: 4 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp có: 2 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học xã hội có: 2 tổ chức

+ Lĩnh vực Khoa học nhân văn có: 1 tổ chức

- Căn cứ quy hoạch theo lĩnh vực nói trên

b) Tổ chức dịch vụ KH&CN

- Số lượng tổ chức đến thời điểm 2020, phân bổ theo lĩnh vực:

+ Lĩnh vực TC - ĐL - CL có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Thông tin và thống kê có: 1 tổ chức

- Dự báo quy hoạch đến thời điểm 2030

+ Lĩnh vực TC - ĐL - CL có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ có: 0 tổ chức

+ Lĩnh vực Thông tin và thống kê có: 2 tổ chức

3. Quy hoạch số lượng tổ chức KH&CN công lập theo cơ quan chủ quản

a) Số lượng tổ chức tại thời điểm 2020

- Tổ chức NC & PT

+ Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 2 tổ chức

+ Thuộc Sở: 7 tổ chức

- Tổ chức TC - ĐL - CL

+ Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0 tổ chức

- + Thuộc Sở: 0 tổ chức
- Tổ chức Sở hữu trí tuệ
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0 tổ chức
- + Thuộc Sở: 0 tổ chức
- Tổ chức Thông tin và thống kê
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 1 tổ chức
- + Thuộc Sở: 0 tổ chức

b) Dự báo quy hoạch tại thời điểm 2030

- Tổ chức NC & PT
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0 tổ chức
- + Thuộc Sở: 8 tổ chức
- + Thuộc Viện, Hội, trường: 4 tổ chức
- Tổ chức TC - ĐL - CL
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0. tổ chức
- + Thuộc Sở: 1 tổ chức
- Tổ chức Sở hữu trí tuệ
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0 tổ chức
- + Thuộc Sở: 0 tổ chức
- Tổ chức Thông tin và thống kê
- + Thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW: 0 tổ chức
- + Thuộc Sở: 0 tổ chức
- + Thuộc Trường Đại học: 2 tổ chức
- Căn cứ quy hoạch theo cơ quan chủ quản nói trên

Phần ba
Giải pháp thực hiện quy hoạch

Các chính sách, giải pháp bảo đảm thực thi quy hoạch tổ chức khoa học và công nghệ công lập tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 được đề xuất dưới đây phản ánh và cụ thể hóa các chính sách, giải pháp chung của Nhà nước được xác định trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020; Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ ban hành

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 124-KH/TU ngày 04/9/2009 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Thông báo Kết luận số 234-TB/TW ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH&CN từ nay đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa XI);... Đây chính là các giải pháp tạo nền mà Đồng Nai cần phát huy, đồng thời tỉnh Đồng Nai đề xuất một số giải pháp đặc thù có liên quan đến việc thực thi chiến lược phát triển các sản phẩm chủ yếu có lợi thế so sánh trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nhóm giải pháp về tổ chức

- Tập trung nâng cao tiềm lực cho các tổ chức KH&CN: Tổ chức hoạt động KH&CN bao gồm: tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường Đại học, Học viện, trường Cao đẳng và các tổ chức dịch vụ KH&CN trong nước; các tổ chức liên doanh, liên kết với nước ngoài đang hoạt động KH&CN tại Việt Nam; mỗi tổ chức giữ một thế mạnh về hoạt động KH&CN nổi bật, là thế mạnh chủ lực mang thương hiệu của tổ chức.

- Để nâng cao tiềm lực cho các tổ chức KH&CN thì yếu tố cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng vô cùng quan trọng. Điều đặc biệt là cần phải có sự sắp xếp về thể chế của các tổ chức KH&CN cho nhiệm vụ mới và có cơ chế chính sách phù hợp như: chính sách thuế, tuyển nhân sự, đầu tư... cho KH&CN. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng được những mô hình hoạt động khả thi, tạo sự phát triển lành mạnh. Đặc biệt ưu tiên phát triển những tổ chức KH&CN của các ngành đóng góp tỷ lệ GDP cao và những ngành mũi nhọn, tránh dàn trải, chia đều, xa rời thống kê thực.

2. Nhóm giải pháp về kinh phí và phát triển thị trường

- Nguồn tài lực: Kinh phí cho thực hiện, cần huy động đầu tư từ xã hội gấp đôi, ba đầu tư từ ngân sách. Để làm được điều này, bên cạnh việc tuyên truyền, phải có chế tài rõ ràng để buộc các tổ chức, cá nhân phải quan tâm đến việc đầu tư vào KH&CN; với kinh phí ít ỏi, chúng ta nên đầu tư cho những lĩnh vực trọng điểm (sản phẩm có lợi thế xuất khẩu; lĩnh vực có thế mạnh tiềm năng lớn), giải quyết những bức xúc nhất của nền kinh tế.

- Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn: (1) Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; (2) Ngân sách nhà nước cấp cho sự nghiệp KH&CN; đầu tư phát triển KH&CN; (3) Ngân sách nhà nước cấp cho các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố; (4) Các quỹ phát triển KH&CN được thành lập theo quy định của Luật KH&CN; (5) Các nguồn kinh phí khác.

- Phát triển thị trường KH&CN là một trong số giải pháp phát triển tiềm lực vì giữa các nhà khoa học và doanh nghiệp cần có một thị trường rõ ràng, cần những nhà môi giới về KH&CN để đưa bên cung và bên cầu ở lĩnh vực này xích lại gần, hiểu rõ vị trí, vai trò của nhau có như vậy KH&CN mới có thể sớm trở

thành “hàng hóa” và đi vào sản xuất kinh doanh được. Với cơ sở vật chất kỹ thuật về KH&CN hiện có trong tỉnh đã tạo ra những sản phẩm hàng hoá đặc trưng thế mạnh của tỉnh, đã có thương hiệu, nhưng sức cạnh tranh chưa cao trên thị trường quốc tế, chưa có nhiều sản phẩm hàng hoá mang giá trị gia tăng cao.

3. Nhóm giải pháp về phát triển nhân lực KH&CN

Phát triển nguồn nhân lực: Con người là chìa khoá phát triển, nên việc thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng các cá nhân hoạt động KH&CN cả là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang sống tại Việt Nam hoạt động KH&CN để tạo ra các sản phẩm KH&CN tiêu biểu, nổi bật. Phải đầu tư cho nguồn nhân lực KH&CN vì hiện nay trong tỉnh có đội ngũ cán bộ làm khoa học tương đối đông đảo, đa ngành nhưng hầu hết chưa được tập hợp đầy đủ, chưa có đủ điều kiện để cập nhật những kiến thức mới nhất về KH&CN. Số cán bộ được đào tạo ở nước ngoài chưa nhiều, số trở về nước lại ít. Cho nên, cần tập trung nguồn lực để đào tạo, thu hút nguồn đội ngũ nhân lực KH&CN trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành đặc biệt là các tổng công trình sư để giải quyết các thế mạnh của tỉnh về sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp chủ lực của tỉnh; để có thể chỉ huy việc nghiên cứu, phát triển, chế tạo các sản phẩm có giá trị lớn mang lợi thế của tỉnh và tỉnh trong nền kinh tế.

4. Nhóm giải pháp về chính sách quản lý tổ chức và hoạt động tổ chức KH&CN

- Ứng dụng Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: bao gồm các phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học tiêu biểu, nổi bật theo từng lĩnh vực có thể áp dụng phục vụ yêu cầu phát triển bền vững của địa phương với đầy đủ các thông tin chính về thành tựu KH&CN: kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, lĩnh vực áp dụng các kết quả nghiên cứu hoặc ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ hoặc kiểu dáng công nghiệp của các thành tựu KH&CN; cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng các thành tựu KH&CN.

- Chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ việc chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển tập trung cho các hoạt động và bảo đảm các yêu cầu sau:

(1) Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến liên quan tới phát triển bền vững cho địa phương.

(2) Hợp tác chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ nhằm giải quyết các nhiệm vụ của địa phương.

(3) Trong hợp tác quốc tế, phải chú ý đến công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến để tạo ra các sản phẩm đặc trưng có sức cạnh tranh cao, có nhiều công dụng, khuyến khích và tạo điều kiện cho cá nhân và tổ chức người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển của tỉnh./.